

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2021/HNGĐ-ST

Ngày 27 – 5 – 2021

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Tiêu Hồng Phương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Trương Công Định

Ông Trần Phi Hùng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Chúc Ni là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Ngày 27 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 65/2021/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2021 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Cao Thanh H, sinh năm 1969;

Địa chỉ: Ấp 3, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

**- Bị đơn:** Bà Trần Ngọc Tr, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Ấp 3, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Tại đơn khởi kiện ngày 01/3/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Cao Thanh H trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà Trần Ngọc Tr tự tìm hiểu và được cha mẹ hai bên đồng ý nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và hiện tại vợ chồng không còn sống chung với nhau. Ông H xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với bà Tr được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với bà Tr.

Về con chung: Trong thời gian chung sống ông H và bà Tr có 03 người con tên Cao Minh Ph sinh năm 1995, Cao Ngọc Mộng T sinh năm 1999, Cao Trần Thanh T sinh ngày 27/01/2005, hiện cháu M và cháu T đã trưởng thành, cháu T do bà Tr đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn ông H tự nguyện giao cháu T cho bà Tr tiếp tục nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng cho con không đặt ra.

Về tài sản chung: Ông H xác định có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông H xác định trong thời gian chung sống vợ chồng không có nợ ai và cũng không ai nợ lại vợ chồng, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án trực tiếp tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho bà Trần Ngọc Tr, hai lần thông báo hòa giải và hai lần triệu tập xét xử nhưng bà Tr không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của ông H, không tham gia hòa giải và xét xử.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Bà Trần Ngọc Tr đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Tr.

[2] Về hôn nhân: Ông H với bà Tr tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 2020. Tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014, thì mối quan hệ hôn nhân giữa ông Cao Thanh H với bà Trần Ngọc Tr được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Theo ông H xác định trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và hiện tại vợ chồng không còn sống chung với nhau. Tại phiên tòa ông H xác định không còn tình cảm với bà Tr và cũng không thể tiếp tục chung sống với bà Tr được nữa nên vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với bà Tr; đối với bà Trần Ngọc Tr, mặc dù đã biết được nội dung khởi kiện xin ly hôn của ông H nhưng bà Tr không có ý kiến gì đối với yêu cầu của ông H, điều này cho thấy bà Tr đã không mong muốn hàn gắn mối quan hệ hôn nhân này nữa. Từ đó cho thấy hôn nhân của ông H với bà Tr đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của ông H, cho ông H được ly hôn với bà Tr là phù hợp.

[3] Về con chung: Ông H xác định Trong thời gian chung sống ông H và bà Tr có 03 người con tên Cao Minh Ph sinh năm 1995, Cao Ngọc Mộng T sinh năm 1999, Cao Trần Thanh T sinh ngày 27/01/2005, hiện cháu M và cháu T đã trưởng thành, cháu T do bà Tr đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn ông H tự nguyện giao cháu T cho bà Tr tiếp tục nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng cho con không đặt ra. Hội đồng xét

xử xét thấy hiện cháu T đang do bà Tr nuôi dưỡng là phù hợp với Biên bản làm việc với cháu T ngày 04/5/2021. Do đó, căn cứ vào khoản 2, 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 giao cháu T cho bà Tr được tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Xét yêu cầu cấp dưỡng cho con anh chị không đặt ra nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Ông H xác định vợ chồng có tài sản chung nhưng vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết; đối với bà Tr không có ý kiến gì về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Ông H xác định vợ chồng không có nợ ai và không ai nợ lại vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết; đối với bà Tr không có ý kiến gì về tài sản chung và nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Cao Thanh H phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53; khoản 2 Điều 81 và Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Cao Thanh H. Cho ông Cao Thanh H được ly hôn với bà Trần Ngọc Tr.

2. Về con chung: Giao cháu Cao Trần Thanh T sinh ngày 27/01/2005 cho bà Tr được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Ông Cao Thanh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0011555 ngày 10/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình; ông H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Ông H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bà Tr có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thới Bình;
- CCTHADS huyện Thới Bình;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Tiêu Hồng Phụng**

